

NGHỊ QUYẾT
CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP;

Căn cứ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2023 tổ chức ngày 05/5/2023;

Căn cứ các báo cáo hằng năm và tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP ngày 05/5/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát;
- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty TVTK GTVT - CTCP (TEDI) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	BCTC riêng		BCTC hợp nhất	
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng tài sản	464.017.995.316	619.605.911.376	1.003.248.584.997	1.334.646.734.055
	- Tài sản NH	353.053.366.807	501.523.091.611	923.440.903.329	1.246.417.441.428
	- Tài sản DH	110.964.628.509	118.082.819.765	79.807.681.668	88.229.292.627
2	Tổng doanh thu:	407.006.322.481	594.041.368.733	953.442.589.473	1.468.794.336.745
	- SXKD chính	396.016.873.206	581.197.935.058	946.845.963.007	1.461.563.647.735
	- Tài chính	10.741.222.309	12.817.595.759	6.094.056.007	6.211.928.156
	- Thu nhập khác	248.226.966	25.837.916	502.570.459	1.018.760.854
3	LN trước thuế	39.457.857.149	50.538.616.795	74.483.564.346	114.265.242.003
4	LN sau thuế:	33.140.652.259	42.519.433.636	60.111.276.896	90.611.304.924
	- CĐ Công ty mẹ	33.140.652.259	42.519.433.636	44.189.070.788	63.054.551.054
	- CĐ ko kiểm soát	-	-	15.922.206.108	27.556.753.870
5	Lãi cơ bản/CP	x	x	2.762	5.027
6	Đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ	6.256.299.673	8.218.542.455	10.564.063.035	15.888.869.300

4. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 của Công ty mẹ:

- Cổ tức (2.300 đ/CP; 67,6% LNST):	28.750.000.000 đồng
- Quỹ thưởng NQLDN (3,5 % LNST):	1.488.000.000 đồng
<i>Trong đó:</i>	
+ Thưởng HĐQT, BKS (50%)	744.000.000 đồng
+ Thưởng Ban điều hành (50%):	744.000.000 đồng
- Quỹ thưởng doanh số bán hàng (3,5% LNST):	1.488.000.000 đồng
- Quỹ Khen thưởng phúc lợi (15,4% LNST):	6.541.433.636 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (10% LNST)	4.252.000.000 đồng

Cộng: **42.519.433.636 đồng**

5. Quyết toán thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2022: 900.600.000đ, cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Dự toán được duyệt	Quyết toán năm 2022	Số đã trả năm 2022	Số còn phải trả
I.	Hội đồng quản trị					
1	Hitoshi YAHAGI	Chủ tịch	158.040.000	158.040.000	158.040.000	-
2	Phạm Hữu Sơn	Phó CT	142.200.000	142.200.000	142.200.000	-
3	Đỗ Minh Dũng	Thành viên	126.480.000	126.480.000	126.480.000	-
4	Đào Ngọc Vinh	Thành viên	126.480.000	126.480.000	126.480.000	-
5	Phùng Tiến Trung	Thành viên	42.160.000	42.160.000	42.160.000	-
6	Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	84.320.000	84.320.000	84.320.000	-
II.	Ban Kiểm soát					
1	Phạm T. Hồng Nhung	Trưởng Ban	31.600.000	31.600.000	31.600.000	-
2	Mạch Thanh Toàn	Trưởng Ban	63.200.000	63.200.000	63.200.000	-
3	Ngô Nam Hà	Thành viên	63.240.000	63.240.000	63.240.000	-
4	Võ Hoàng Anh	Thành viên	63.240.000	63.240.000	63.240.000	-
III	Tổng cộng		900.960.000	900.960.000	900.960.000	-

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Số liệu hợp nhất			Trong đó Công ty mẹ		
		TH 2022	KH 2023	Tỷ lệ %	TH 2022	KH 2023	Tỷ lệ %
1	Tổng giá trị tài sản	1.334.647	1.200.000	89,9	619.606	600.000	96,8
2	Tổng doanh thu	1.468.794	1.200.000	81,7	594.041	525.000	88,4
3	Lợi nhuận trước thuế	114.265	87.427	76,5	50.539	44.000	87,1
4	Lợi nhuận sau thuế:	90.611	69.738	77,0	42.519	37.300	87,7
	<i>T/ đó: - CĐ C.ty mẹ</i>	<i>63.055</i>	<i>48.549</i>	<i>77,0</i>	<i>42.519</i>	<i>37.300</i>	<i>87,7</i>
	<i>- CĐ không kiểm soát</i>	<i>27.557</i>	<i>21.189</i>	<i>76,9</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
5	Lãi cơ bản/Cổ phiếu	5.027	4.250	84,5	x	x	x
6	Đầu tư tài sản cố định	15.889	25.577	161,0	8.219	16.077	195,6

7. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2023:

(Theo kết quả SXKD của Công ty mẹ)

Cổ tức	2.000 đồng/cổ phiếu và không thấp hơn 60% LNST
Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	DN Loại A không quá 5% LNST, DN Loại B không quá 3% LNST, trong đó 50% thưởng HĐQT - BKS; 50% thưởng Ban TGD, KTT.
Quỹ thưởng doanh số bán hàng	Không quá 5% LNST khi Tổng công ty được xếp doanh nghiệp loại A và doanh thu vượt 4 lần vốn chủ sở hữu
LNST chưa phân phối	Không thấp hơn 10% LNST
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Còn lại sau khi phân chia các quỹ nêu trên

8. Dự toán Quỹ thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2023:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chức danh	Số lượng	Hệ số	Số tháng người làm việc	Mức thù lao tháng	Thù lao KH năm
1	Chủ tịch HĐQT	1	1,0	12	15.220.000	183.000.000
2	PCT HĐQT	1	0,9	12	13.700.000	164.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	0,8	36	12.180.000	438.000.000
4	Trưởng BKS	1	0,6	12	9.130.000	110.000.000
5	Thành viên BKS	2	0,4	24	6.090.000	146.000.000
	Cộng	8		96		1.041.000.000

Thù lao thực tế của thành viên HĐQT, BKS sẽ được điều chỉnh theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty mẹ.

9. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định lựa chọn một trong 03 công ty kiểm toán sau để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

- 1) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- 2) Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- 3) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Điều 2. Điều khoản thi hành.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng Công ty tổ chức triển khai thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, các cá nhân và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết gồm bốn (04) trang được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp mâu thuẫn phát sinh hoặc có khác biệt giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt được ưu tiên lựa chọn để áp dụng, điều chỉnh và giải thích.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS TCT;
- ĐU- CĐ CTCP (ph/h);
- Ban điều hành TCT (th/h);
- HĐQT Công ty con (ph/h);
- NDDPV, KSV tại công ty con (th/h);
- Các phòng QLCN (th/h);
- Lưu HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Hitoshi YAHAGI